

Số Tháng 5/2024



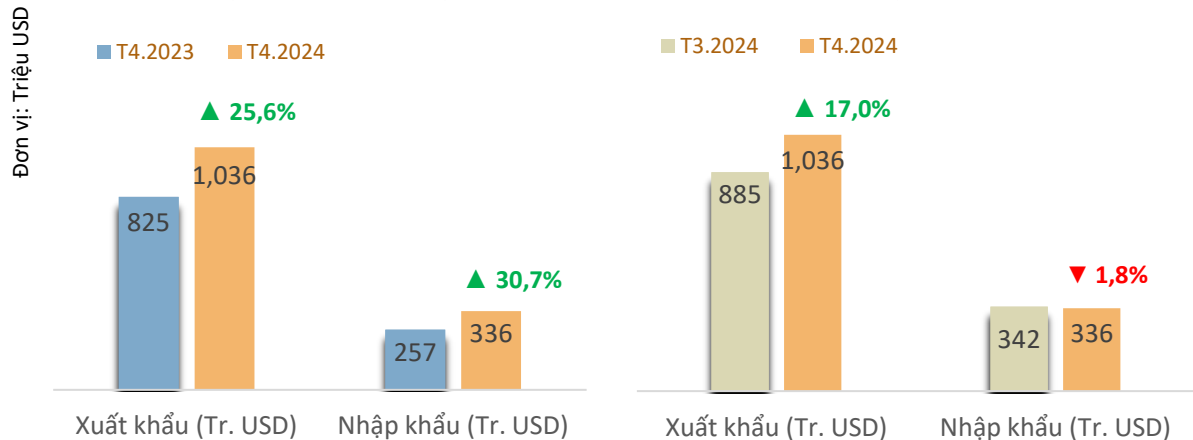
BÁO CÁO TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN

THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC

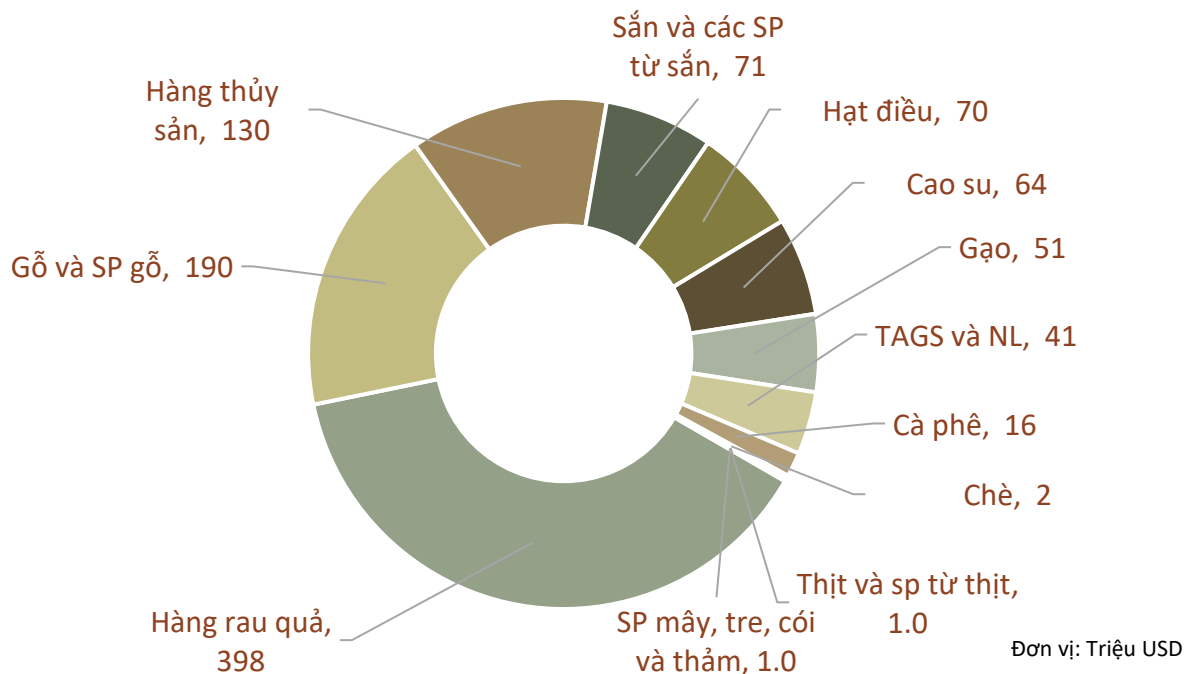


TÌNH HÌNH XUẤT NHẬP KHẨU NÔNG LÂM THỦY SẢN VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG TRUNG QUỐC THÁNG 4/2024

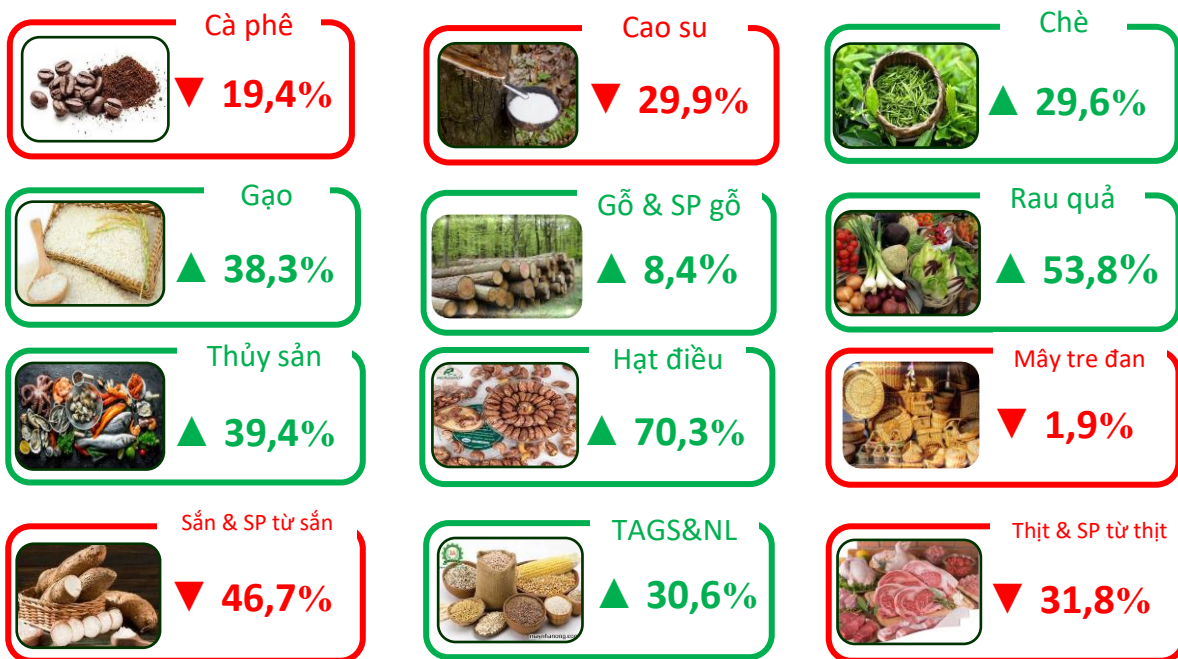
Kim ngạch xuất nhập khẩu NLTS Việt Nam – Trung Quốc, T4/2024



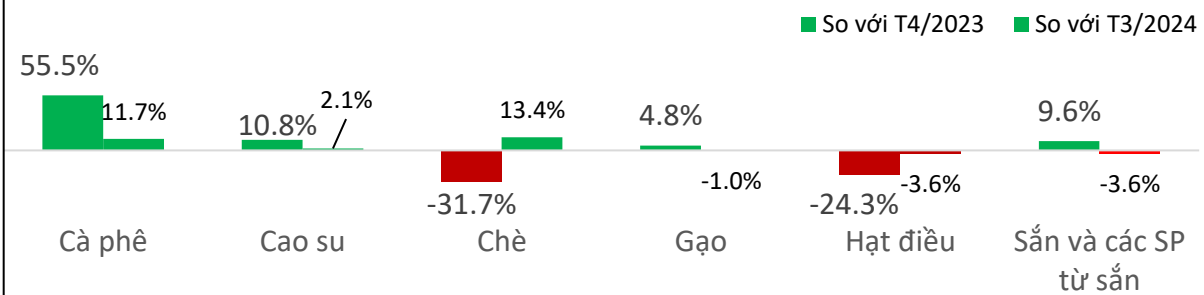
Kim ngạch XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Biến động giá trị XK NLTS chính sang thị trường Trung Quốc T4/2024 so với T3/2024



Biến động giá XK bình quân của một số sản phẩm NLTS chính sang thị trường Trung Quốc, T4/2024 so với T4/2023 và T3/2024



Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Hải quan

Kinh tế Trung Quốc tháng 4: Sản xuất tăng tốc, tiêu dùng chậm lại

Theo Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc (NBS) công bố, sản lượng công nghiệp tháng 4 đã tăng 6,7% so với cùng kỳ năm ngoái, cao hơn so với mức 4,5% trong tháng 3 do sự phục hồi và tăng tốc trong lĩnh vực sản xuất.

Tuy nhiên, doanh số bán lẻ chỉ tăng 2,3% trong tháng 4, chậm lại so với mức tăng 3,1% trong tháng 3. Đầu tư tài sản cố định tăng 4,2% trong 4.

Xuất khẩu và nhập khẩu của Trung Quốc tăng trưởng trở lại trong tháng 4 và giá tiêu dùng tăng tháng thứ ba liên tiếp.

Tuy nhiên, hoạt động cho vay mới của ngân hàng trong tháng 4 đã giảm

nhiều hơn dự kiến, trong khi tăng trưởng tín dụng trên diện rộng đạt mức thấp kỷ lục.



Nguồn: Vtv.vn

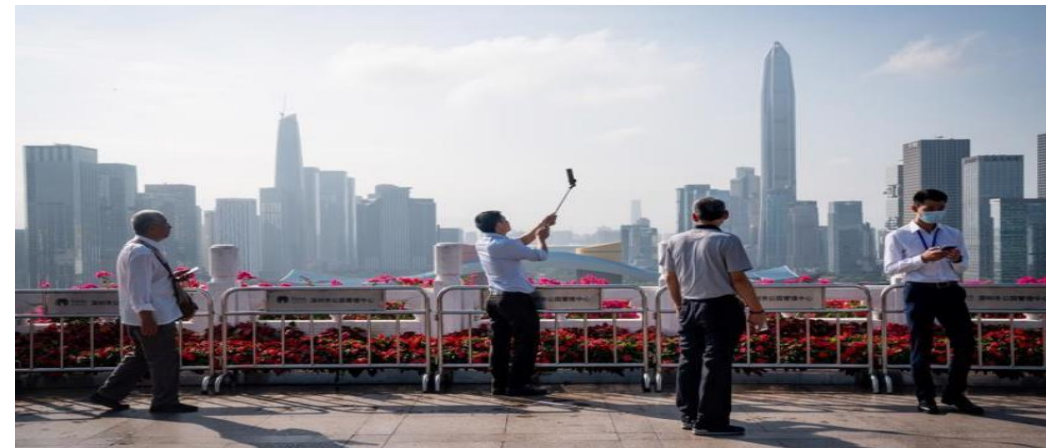
IMF bất ngờ nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) đã dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế Trung Quốc đạt 5% trong năm nay, từ mức dự báo 4,6% cách đây chỉ vài tuần.

Việc điều chỉnh triển vọng này phản ánh sự tăng tốc của nền kinh tế Trung Quốc hồi đầu năm nay và các biện pháp kích cầu mới của Chính phủ nước này.

Trong một thông cáo báo chí ngày 29/5, IMF đã nâng dự báo tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước

(GDP) của Trung Quốc năm 2025 lên 4,5% từ 4,1% đưa ra trong lần dự báo trước.



Nguồn: Kinhtetrungquoc.vn

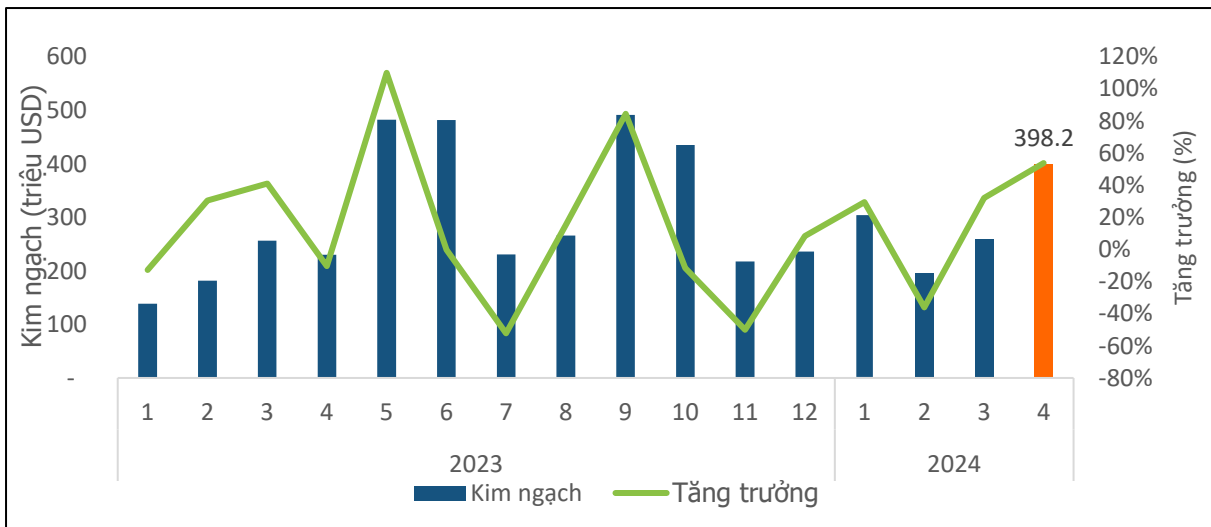


Tin liên quan



RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Giá trị rau quả xuất khẩu sang Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH



398,2

triệu USD

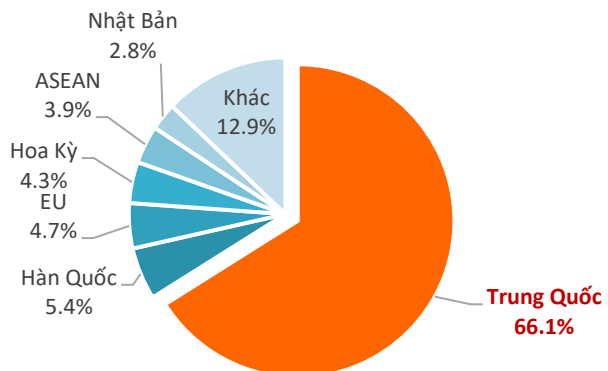
Tăng **53,8%** so với T3/2024

Tăng **73,2%** so với T4/2023

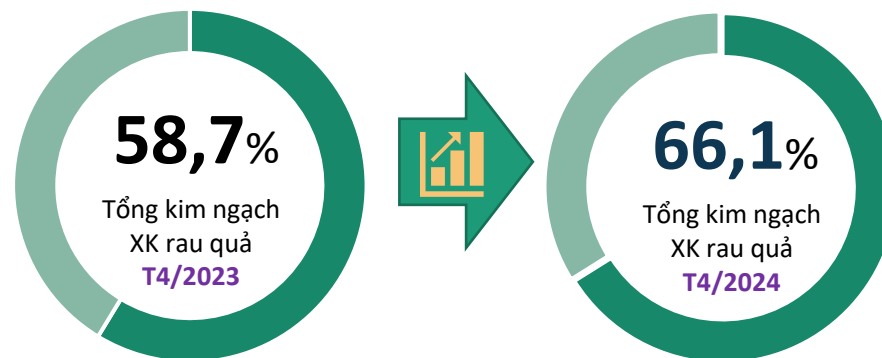
Cao hơn **94,9 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **1,16** tỷ USD, đạt **31,8%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả Việt Nam XK sang Trung Quốc, T4/2024



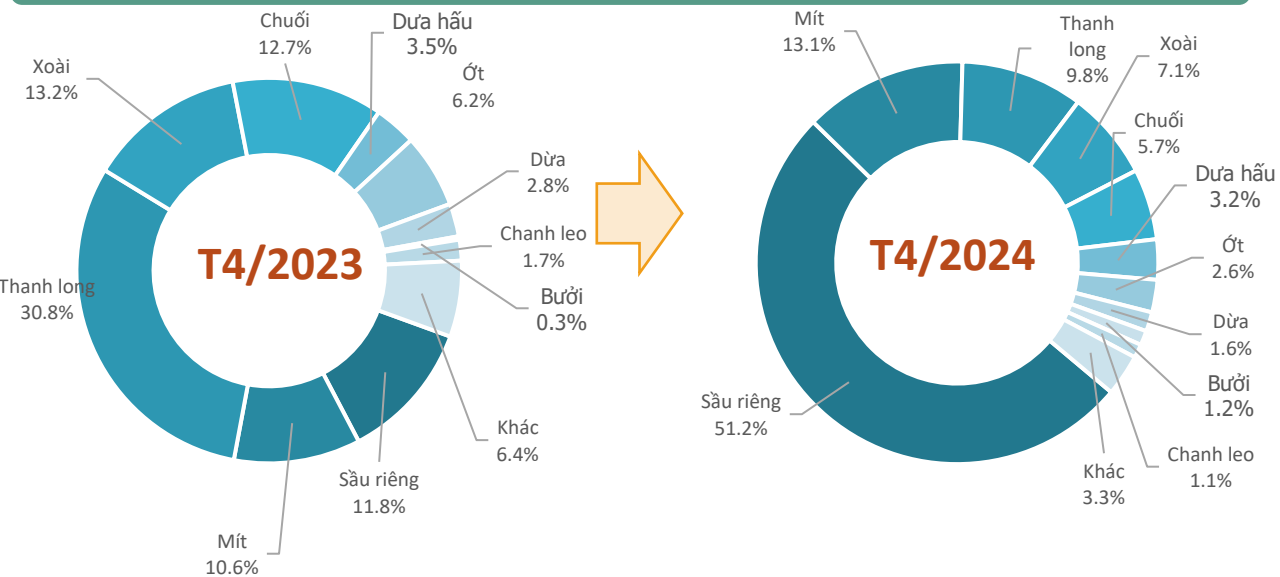
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả VN sang Trung Quốc, T4/2024





RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả XK sang Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, T4/2024



Sầu riêng

Kim ngạch: **203,95** triệu USD
 Tăng **191,9%** so với T3/2024
 Tăng **654,2%** so với T4/2023



Mít

Kim ngạch: **52,2** triệu USD
 Tăng **75,1%** so với T3/2024
 Tăng **113,4%** so với T4/2023



Thanh long

Kim ngạch: **39,2** triệu USD
 Tăng **0,8%** so với T3/2024
 Giảm **44,6%** so với T4/2023



Xoài

Kim ngạch: **28,5** triệu USD
 Tăng **19,4%** so với T3/2024
 Giảm **6,4%** so với T4/2023



Chuối

Kim ngạch: **22,7** triệu USD
 Giảm **42,5%** so với T3/2024
 Giảm **22,2%** so với T4/2023



Dừa hấu

Kim ngạch: **12,9** triệu USD
 Giảm **37,1%** so với T3/2024
 Tăng **59,1%** so với T4/2023



Ớt

Kim ngạch: **10,4** triệu USD
 Tăng **44,7%** so với T3/2024
 Giảm **27,3%** so với T4/2023



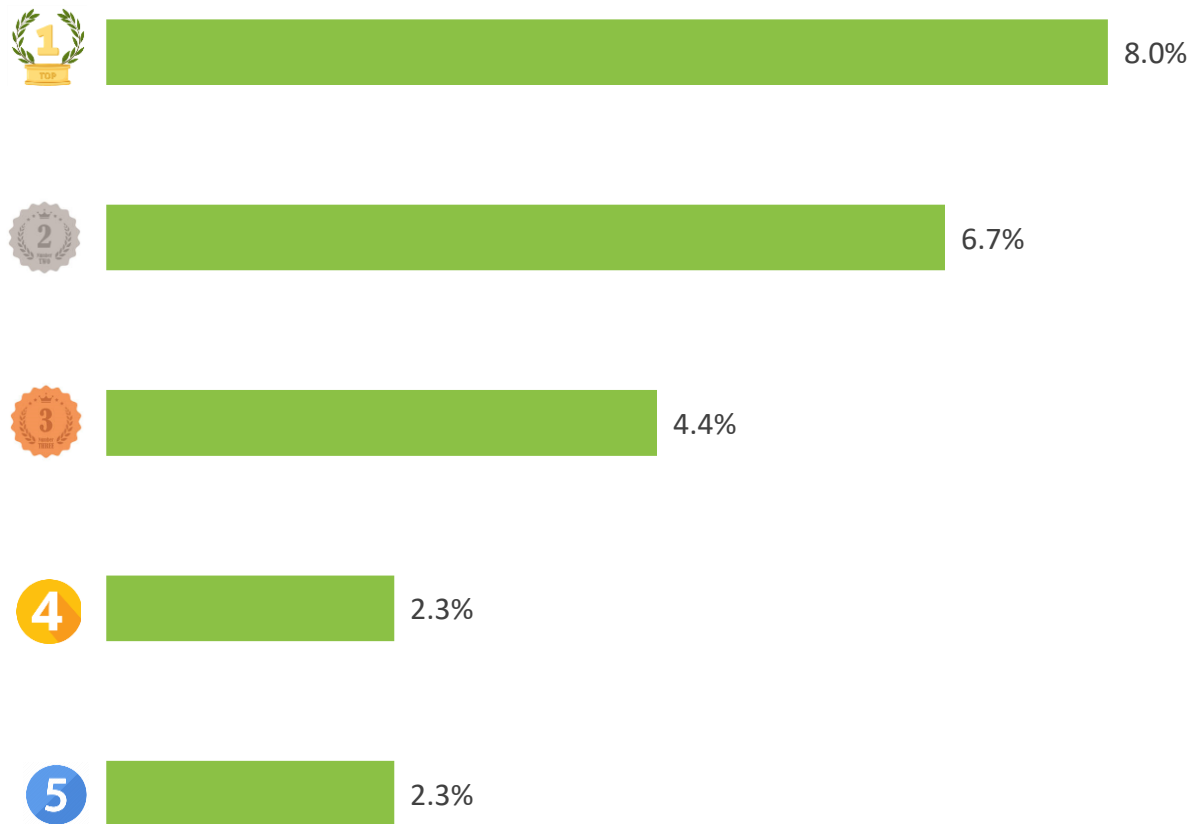
Dừa

Kim ngạch: **6,2** triệu USD
 Giảm **19,7%** so với T3/2024
 Giảm **2,8%** so với T4/2023

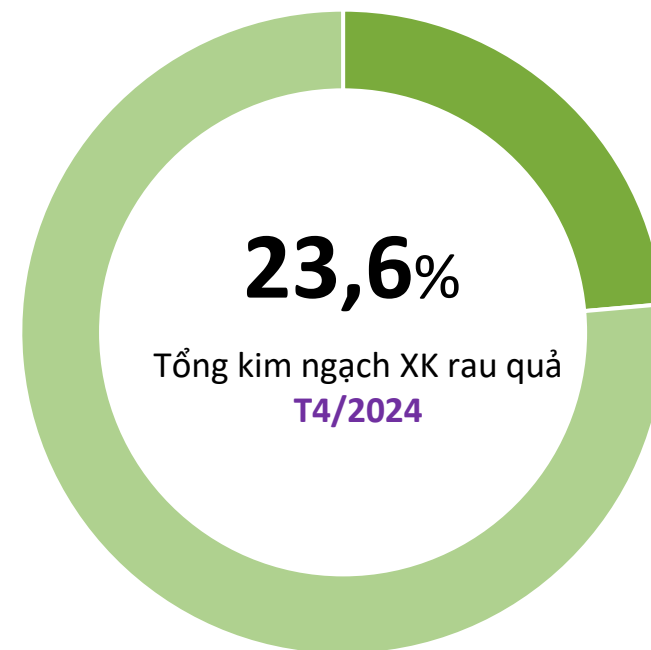


RAU QUẢ (XUẤT KHẨU)

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang Trung Quốc, T4/2024



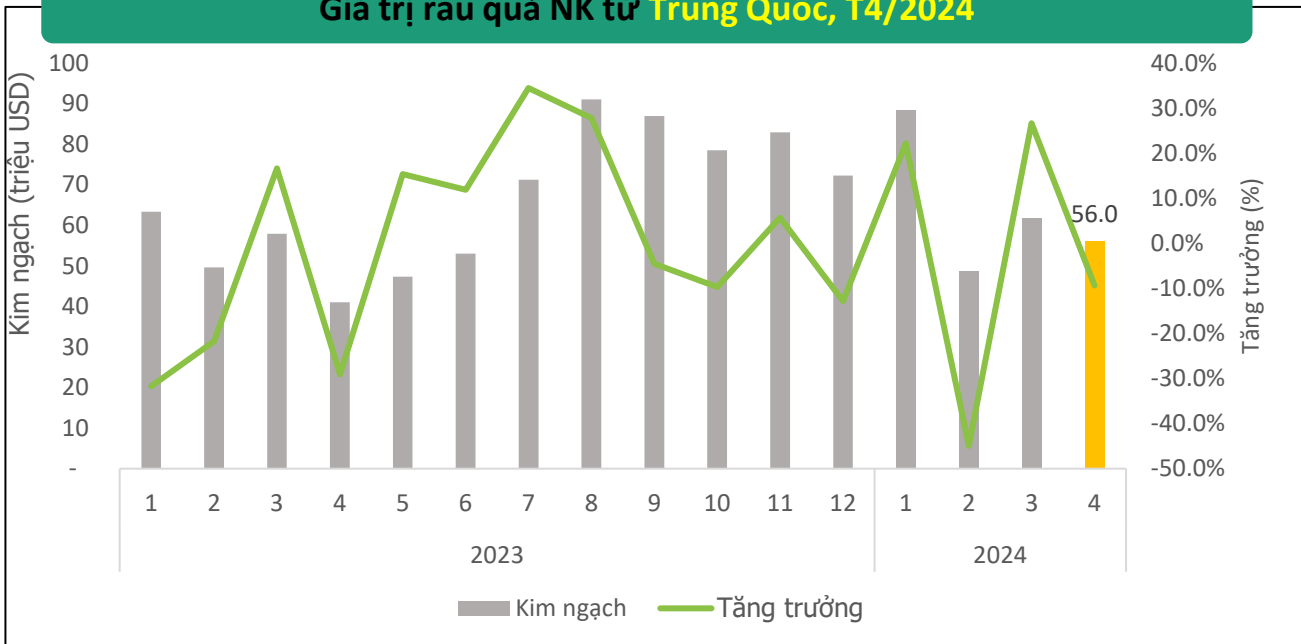
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang Trung Quốc, T4/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH



56,0

triệu USD

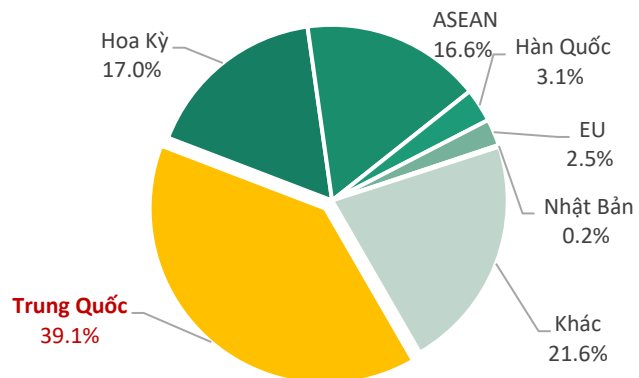
Giảm **9,3%** so với T3/2024

Tăng **36,5%** so với T4/2023

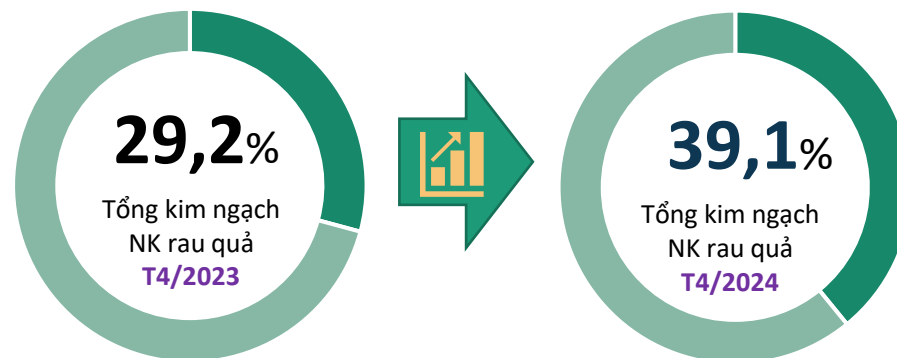
Thấp hơn **10,2 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **254,5** triệu USD, đạt **32%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2024



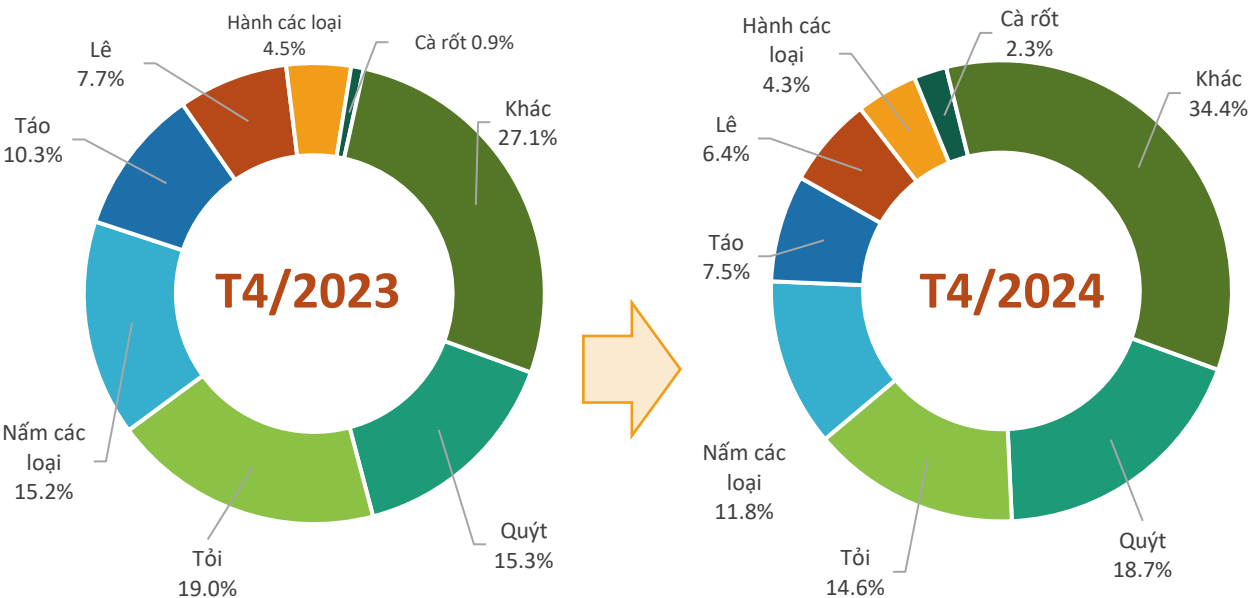
Biến động tỷ trọng giá trị rau quả NK từ Trung Quốc, T4/2024





RAU QUẢ (NHẬP KHẨU)

Cơ cấu chủng loại rau quả nhập khẩu từ Trung Quốc, T4/2024



Kết quả nhập khẩu rau quả từ Trung Quốc, T4/2024



Quýt

Kim ngạch: **10,5** triệu USD
 Tăng **6,0%** so với T3/2024
 Tăng **66,6%** so với T4/2023



Tỏi

Kim ngạch: **8,2** triệu USD
 Giảm **39,7%** so với T3/2024
 Tăng **4,8%** so với T4/2023



Nấm các loại

Kim ngạch: **6,6** triệu USD
 Giảm **5,4%** so với T3/2024
 Tăng **6,0%** so với T4/2023



Táo

Kim ngạch: **4,2** triệu USD
 Giảm **33,7%** so với T3/2024
 Giảm **0,3%** so với T4/2023



Lê

Kim ngạch: **3,5** triệu USD
 Giảm **5,6%** so với T3/2024
 Tăng **12,3%** so với T4/2023



Hành

Kim ngạch: **2,4** triệu USD
 Tăng **28,5%** so với T3/2024
 Tăng **30,1%** so với T4/2023



Cà rốt

Kim ngạch: **1,3** triệu USD
 Tăng **28,5%** so với T3/2024
 Tăng **254,3%** so với T4/2023

RAU QUẢ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Theo Cơ quan Giám sát Động vật và Kiểm dịch Thực vật Liên bang Nga (Rosselkhozadzor), Trung Quốc đã xuất khẩu hơn 30.000 tấn trái cây có múi sang Nga trong 4 tháng đầu năm 2024, cao gấp 10 lần so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó bao gồm 9.900 tấn bưởi, 14.700 tấn quýt, 3.600 tấn chanh, 1.800 tấn cam và 23 tấn bưởi đào.

Quả sơn trà (Loquat) Hàng Châu (Trung Quốc) đã chín và có mặt trên thị trường vào đầu tháng 5. Sau 2 năm sản lượng giảm liên tiếp, sản lượng sơn trà năm nay dự báo tăng 30% so với các năm trước. Sơn Trà trồng trong nhà kính được thu hoạch sớm hơn nửa tháng so với Sơn Trà trồng ngoài đồng (khoảng 15/5).

Theo số liệu của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, khối lượng và giá trị xuất khẩu các loại trái cây chính như táo, lê, kiwi duy trì tăng trưởng trong Quý I/2024. Cụ thể: xuất khẩu táo tươi đạt 233.300 tấn, trị giá 267 triệu USD, tăng lần lượt 23,9% và 10,33% so với cùng kỳ năm trước; xuất khẩu lê tươi đạt 143.700 tấn, trị giá 145 triệu USD, lần lượt tăng 63,48% và 20,83%; xuất khẩu trái kiwi tươi đạt 3.676,33 tấn, trị giá 6,7949 triệu USD, tăng lần lượt là 97,4% và 139,86% so với cùng kỳ năm ngoái.

RAU QUẢ

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG RAU QUẢ TRUNG QUỐC



Tin liên quan

Theo China News Service, tại nhiều cơ sở trồng sầu riêng ở Khu sinh thái Yucai ở Tam Á, Hải Nam, trái sầu riêng đã phát triển tốt đạt kích thước tương đương bằng quả bóng chuyền, dự kiến sẽ chín và đưa ra thị trường vào khoảng giữa đến cuối tháng 6. Mùa sầu riêng ở Hải Nam bắt đầu chín từ tháng 6 đến tháng 8, cao điểm là vào tháng 7.

Nguồn: Guojiguoshu.com

Trong 3 tháng đầu năm 2024, trị giá nhập khẩu hàng rau quả của Trung Quốc đạt 6,6 tỷ USD, tăng 5,85% so với cùng kỳ năm 2023. Trong đó, trị giá nhập khẩu từ Việt Nam chiếm 9,4%, tăng 1,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm 2023.

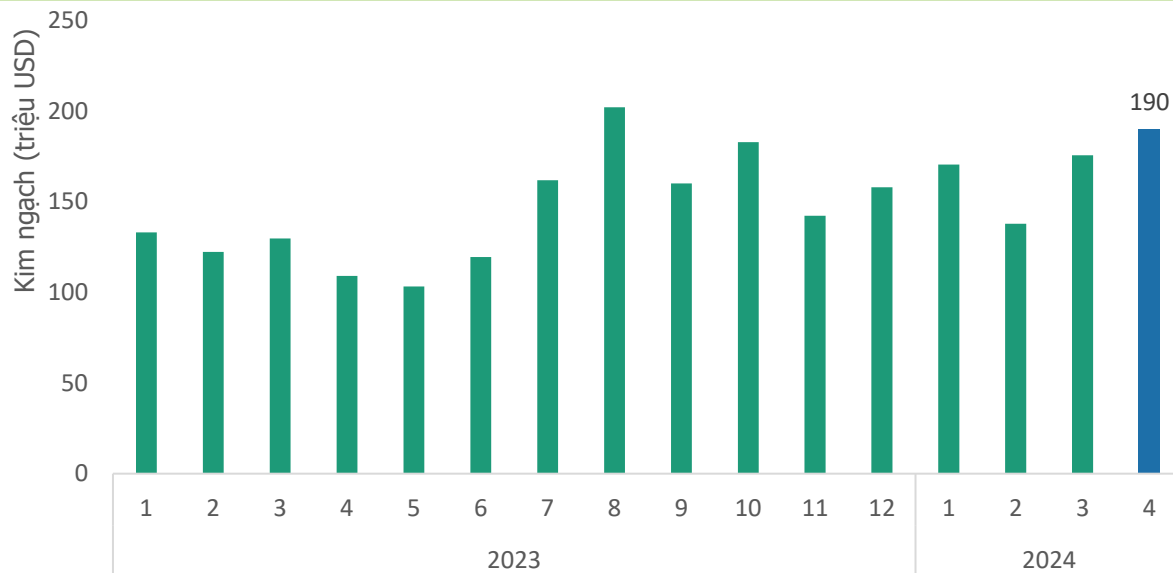
Theo Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công Thương), nhu cầu tiêu thụ hàng rau quả tại Trung Quốc rất lớn, tuy nhiên trị giá nhập khẩu từ Việt Nam vẫn còn thấp. Cơ hội để ngành hàng rau quả tăng thị phần tại thị trường Trung Quốc còn rộng mở. Để đẩy mạnh xuất khẩu sang thị trường này, doanh nghiệp ngành hàng rau quả của Việt Nam cần đảm bảo và nâng cao chất lượng, tuân thủ nghiêm quy định về chất lượng và truy xuất nguồn gốc.

Nguồn: Vinanet.vn



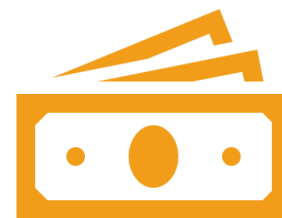
GỠ VÀ SP GỠ

Giá trị gỗ và SP gỗ xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH



190

triệu USD

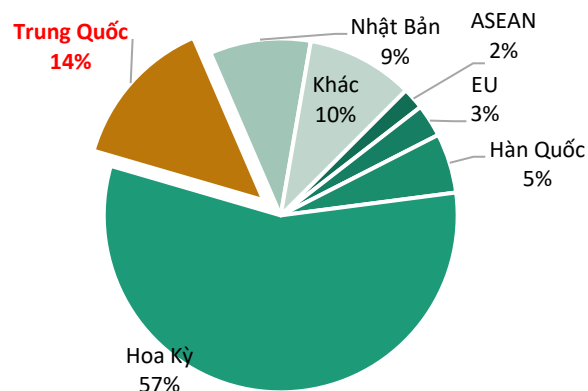
➔ Tăng **8,4%** so với T03/2024

➔ Tăng **74,4%** so với T4/2023

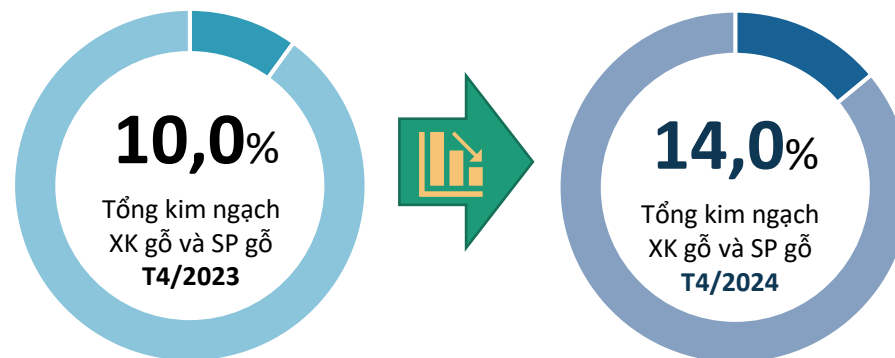
➔ Cao hơn **47 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

Lũy kế 4 tháng đạt **673,9** triệu USD, đạt **39,1%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



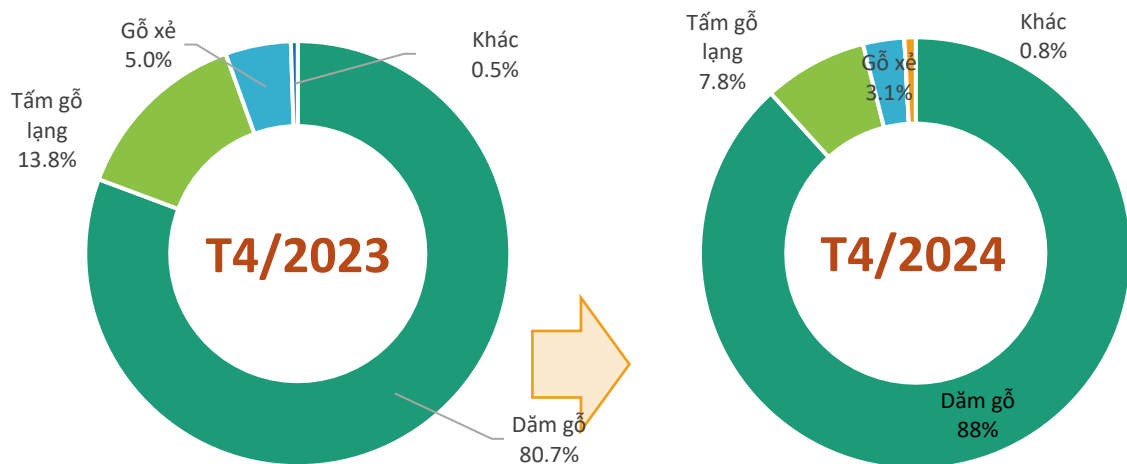
Biến động tỷ trọng giá trị gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





GỖ VÀ SP GỖ

Cơ cấu chủng loại gỗ và SP gỗ XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu gỗ và SP gỗ sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Dăm gỗ

Kim ngạch: **168,0** Triệu USD
 Tăng **16%** so với T03/2024
 Tăng **104%** so với T4/2023



Tấm gỗ lạng

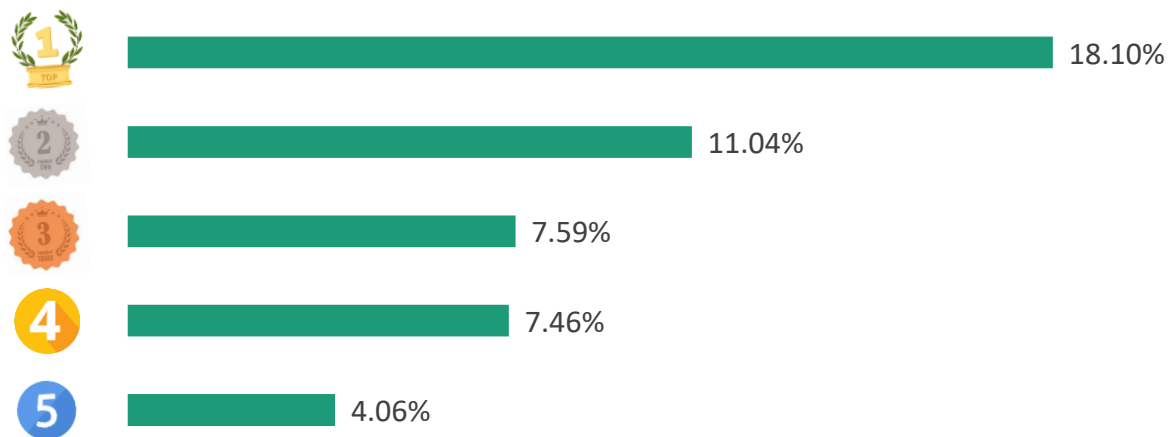
Kim ngạch: **14,8** Triệu USD
 Giảm **28%** so với T03/2024
 Tăng **5%** so với T4/2023



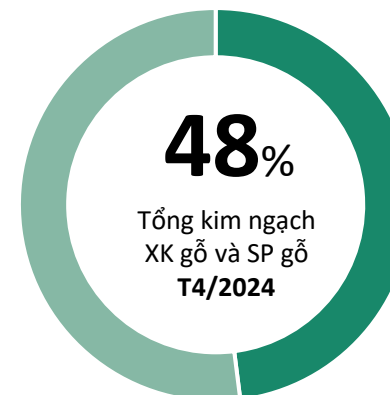
Gỗ xẻ

Kim ngạch: **5,9** Triệu USD
 Giảm **21%** so với T03/2024
 Tăng **16%** so với T4/2023

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK thị trường Trung Quốc, T4/2024





GỖ VÀ SP GỖ



ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ TRUNG QUỐC

Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc trong Quý I/2024 ước đạt 8,85 triệu m³ với giá trị 1,503 tỷ USD, giảm 5% về khối lượng và 6% về giá trị so với cùng kỳ năm trước. Giá gỗ tròn nhập khẩu trung bình ở mức 170 USD/m³, giảm 2% so với cùng kỳ năm 2023.

New Zealand vẫn là thị trường cung cấp gỗ tròn lớn nhất của Trung Quốc trong Quý I/2024. Nhập khẩu gỗ tròn của Trung Quốc từ New Zealand ước đạt 4,29 triệu m³ với giá trị 552 triệu USD, tăng 12% về lượng và giá trị so với cùng kỳ năm 2023. Giá gỗ tròn nhập khẩu trung bình từ New Zealand ở mức 129 USD/m³ giảm 2% so với cùng kỳ năm 2023.

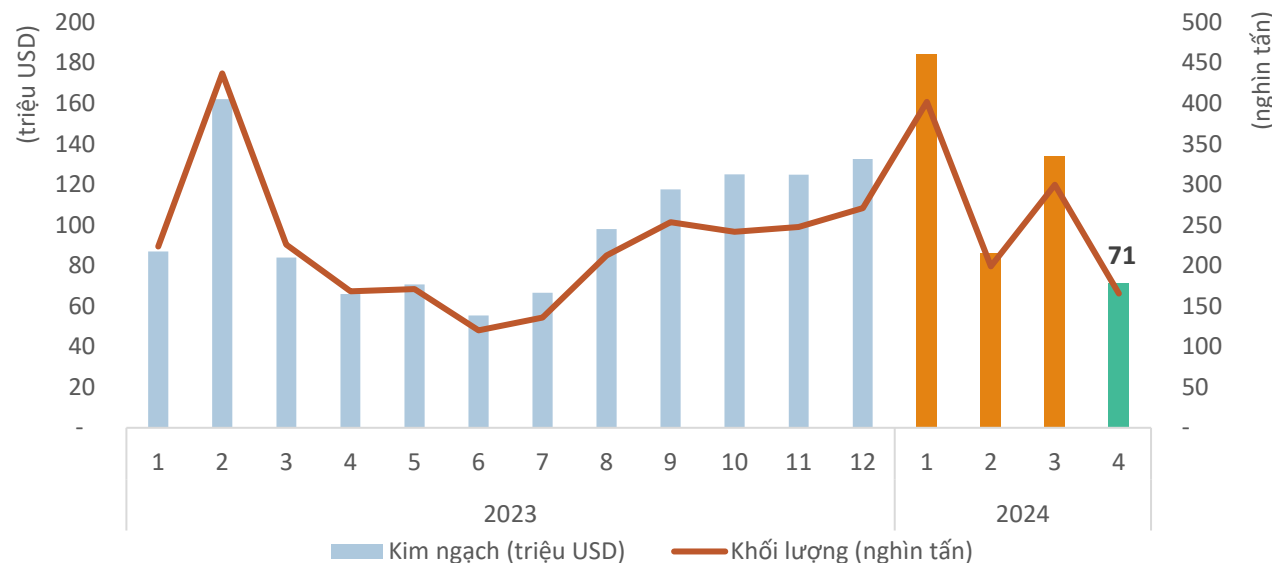


Tin liên quan



SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Khối lượng và giá trị sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH

71,2 triệu USD

↘ Giảm **46,7%** so với T3/2024

↗ Tăng **8,0%** so với T4/2023

↓ Thấp hơn **28 triệu USD** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **475 tr.USD**, đạt **40%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

165,6 nghìn tấn

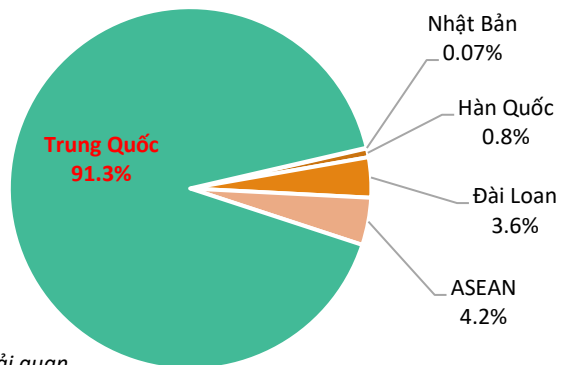
↘ Giảm **44,7%** so với T3/2024

↘ Giảm **1,5%** so với T4/2023

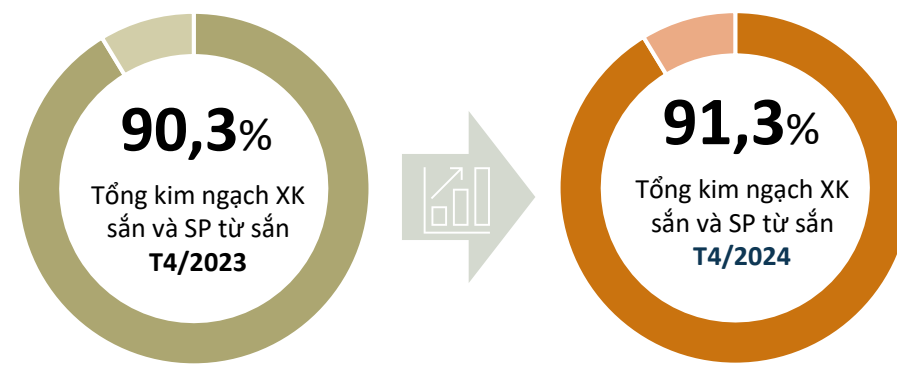
↓ Thấp hơn **60 nghìn tấn** so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **1.066 ng.tấn**, đạt **39,4%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



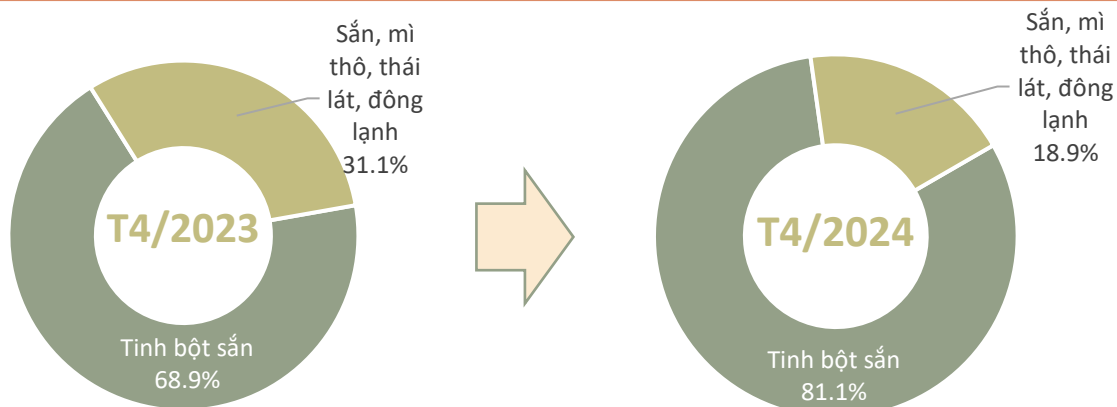
Biến động tỷ trọng giá trị sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





SẢN VÀ SP TỪ SẢN

Cơ cấu chủng loại sản và SP từ sản XK sang thị trường Trung Quốc T4/2024



Kết quả XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc T4/2024



Sản thô, thái lát, đông lạnh

Kim ngạch: **13,5** triệu USD

Giảm **39,3%** so với T3/2024

Giảm **34%** so với T4/2023



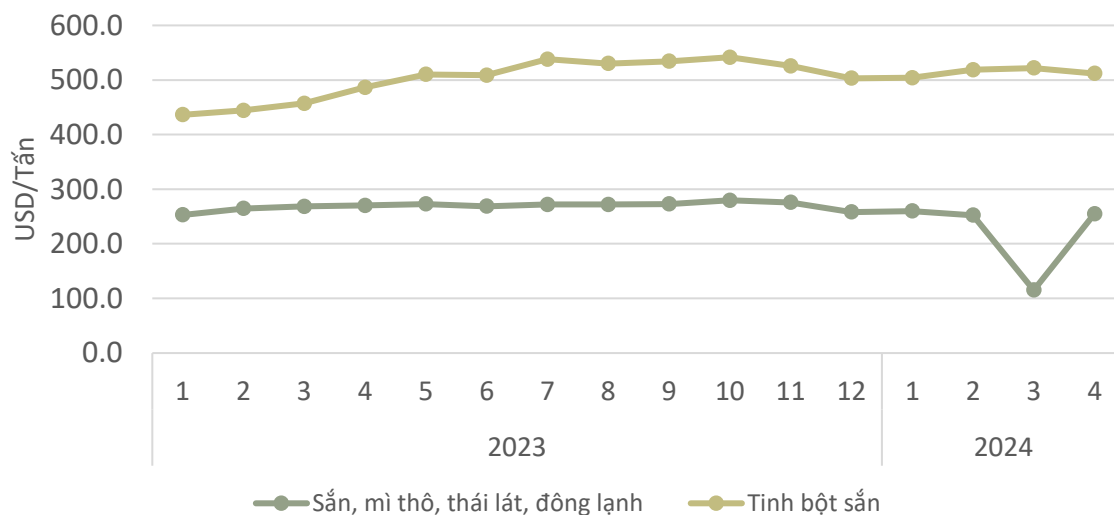
Tinh bột sản

Kim ngạch: **57,8** triệu USD

Giảm **48%** so với T3/2024

Tăng **28%** so với T4/2023

Giá sản và SP từ sản XK bình quân sang thị trường Trung Quốc T4/2024



Tinh bột sản

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **512** USD/tấn; **giảm 1,9%** so với tháng trước; và **tăng 5,3%** so với cùng kỳ năm 2023.

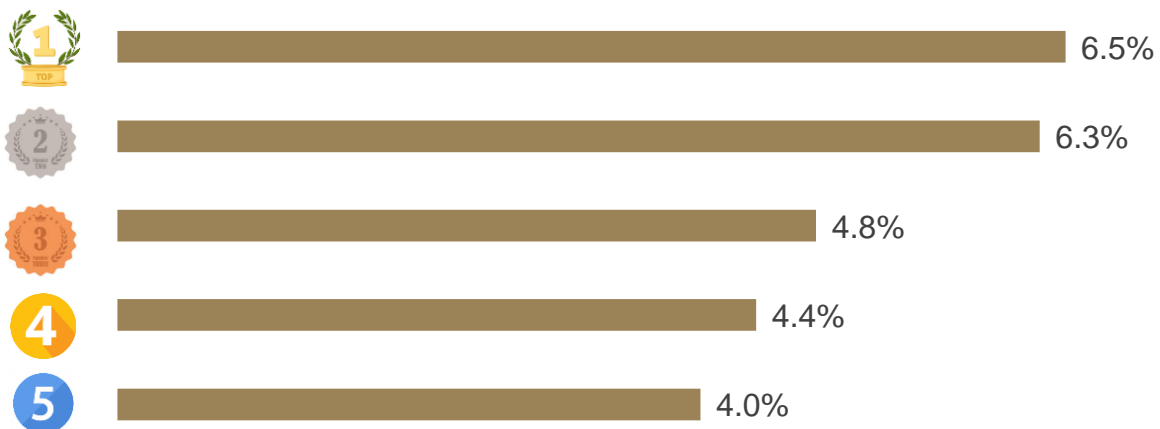
Sản thô, thái lát, đông lạnh

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **255** USD/tấn; **tăng 122%** so với tháng trước; và **giảm 5,6%** so với cùng kỳ năm 2023.

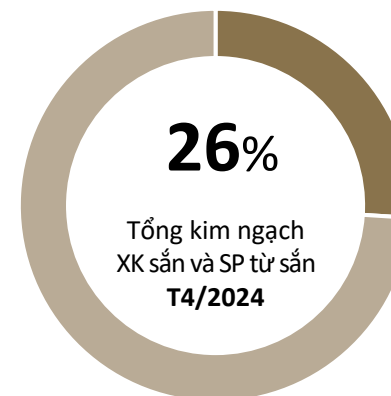


SẢN VÀ SP TỪ SẢN

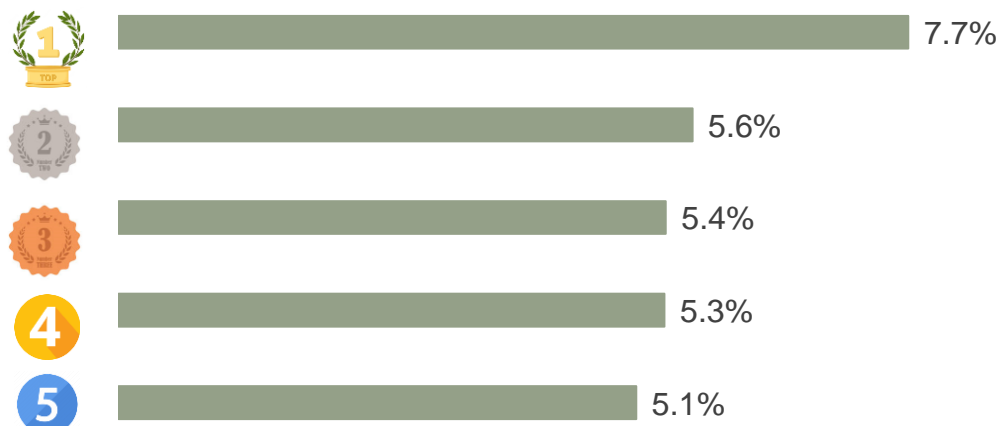
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



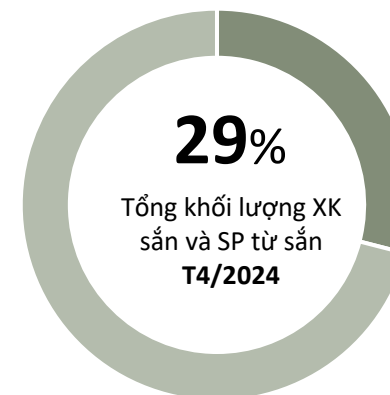
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



TOP 5 DN về khối lượng XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 DN XK sản và SP từ sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



SẺN VÀ SP TỪ SẺN

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG SẺN VÀ SP TỪ SẺN TRUNG QUỐC



Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sắn lát khô của Trung Quốc lần lượt là 357,1 nghìn tấn và 93,4 triệu USD, giảm lần lượt là 36,96% và 40,61% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu sắn lát khô của Trung Quốc lần lượt là 1,09 nghìn tấn và 286 triệu USD, giảm lần lượt là 64,6% và 66,03% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng sắn lát khô nhập khẩu từ Thái Lan chiếm 76% (giảm 69% so với cùng kỳ năm ngoái), Việt Nam chiếm 22,35% (giảm 34%).



Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, tháng 4/2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc lần lượt là 368,8 nghìn tấn và 201 triệu USD, tăng lần lượt là 98,02% và 118,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024, khối lượng và giá trị nhập khẩu tinh bột sắn của Trung Quốc lần lượt là 1,37 triệu tấn và 737 triệu USD, tăng lần lượt là 14,15% và 31,73% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, lượng tinh bột sắn nhập khẩu từ Thái Lan chiếm 46,26% (giảm 4,95% so với cùng kỳ năm ngoái), Việt Nam chiếm 38,84% (giảm 22,8%) và Campuchia chiếm 2,76% (tăng 70,9%).



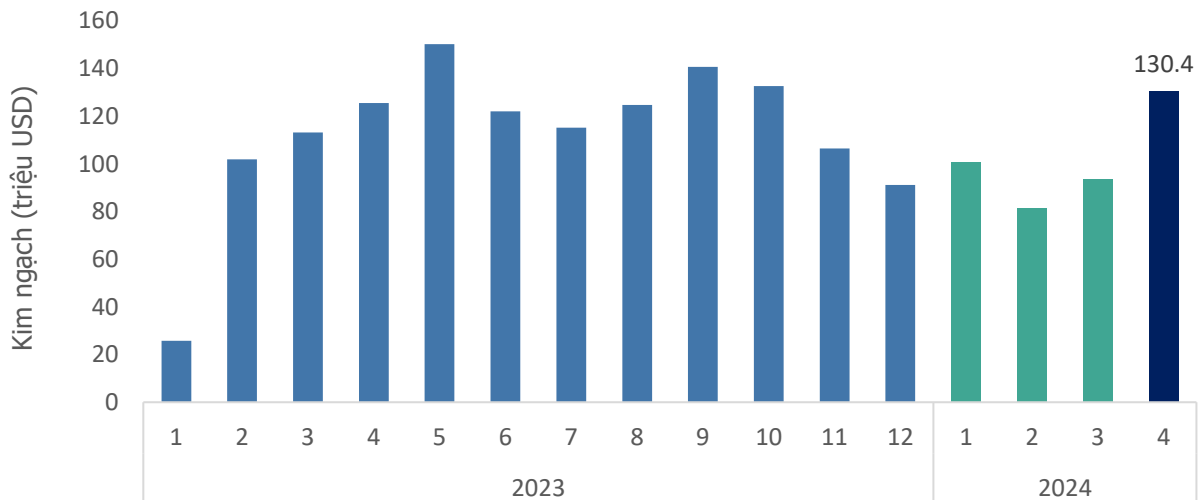
TIN LIÊN QUAN

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



THỦY SẢN

Giá trị xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH

130,4 triệu USD



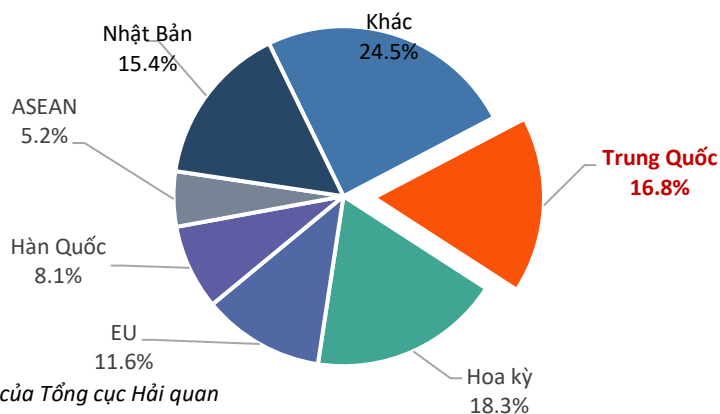
➔ Tăng **39,4%** so với T3/2024

➔ Tăng **3,9%** so với T4/2023

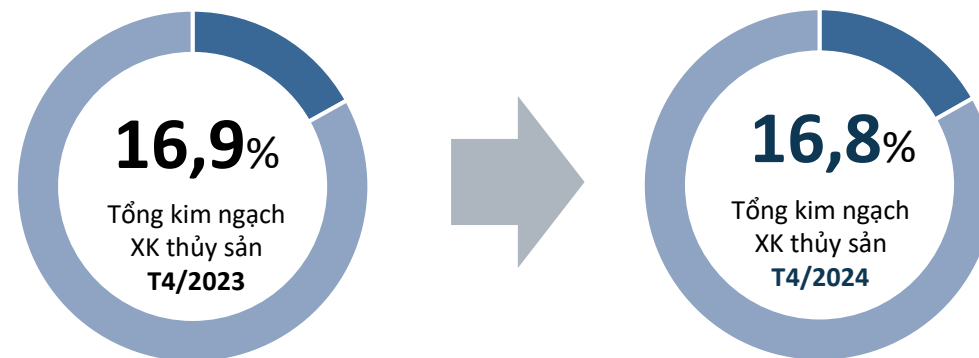
▲ Cao hơn **18,0** triệu USD so với bình quân năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng 2024 đạt **406,2** triệu USD, Đạt **30,1%** kim ngạch 2023

Tỷ trọng giá trị thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Biến động tỷ trọng giá trị thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





THỦY SẢN

Cơ cấu chủng loại thủy sản xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu thủy sản sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Cá da trơn

Kim ngạch: **33,3** Triệu USD
 Tăng **22,8%** so với T3/2024
 Tăng **9,8%** so với T4/2023



Tôm

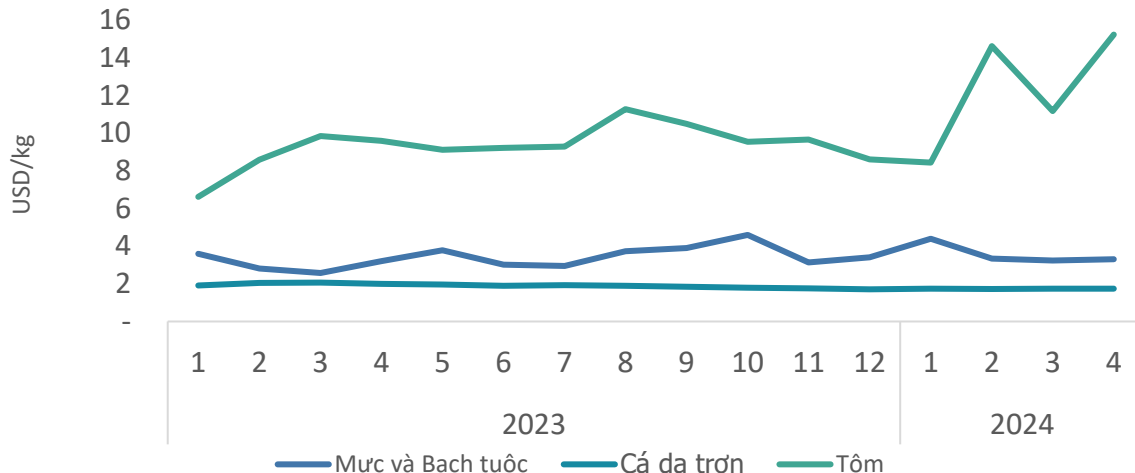
Kim ngạch: **57,6** Triệu USD
 Tăng **41,6%** so với T3/2024
 Tăng **3,8%** so với T4/2023



Mực và bạch tuộc

Kim ngạch: **5,0** Triệu USD
 Tăng **44,7%** so với T3/2024
 Tăng **4,0%** so với T4/2023

Giá thủy sản xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Mực và Bạch tuộc

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **3,3** USD/kg; **tăng 2,4%** so với tháng trước; và **tăng 3,1%** so với cùng kỳ năm 2023.

Cá da trơn

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **1,7** USD/kg; **giảm 0,2%** so với tháng trước; và **giảm 13,3%** so với cùng kỳ năm 2023.

Tôm

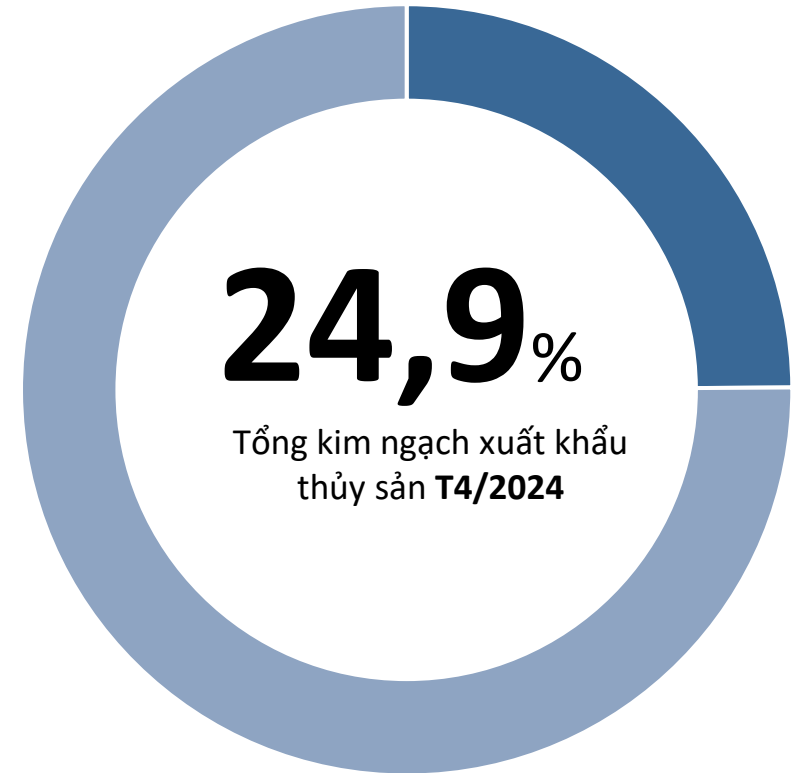
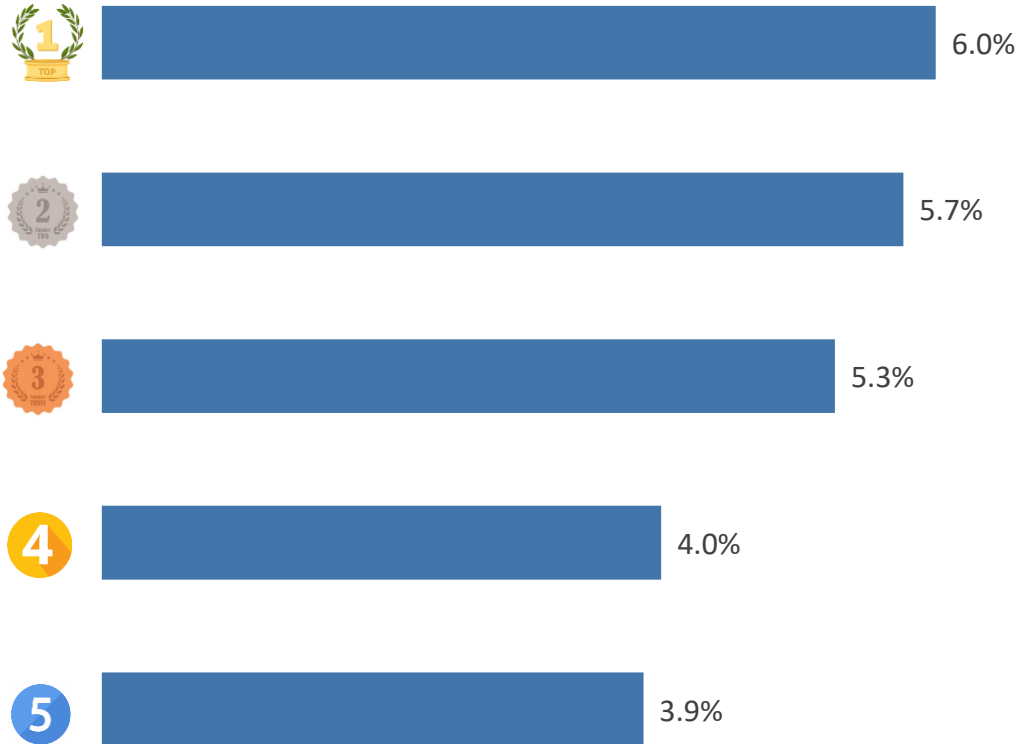
Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **15,2** USD/kg; **tăng 36,5%** so với tháng trước; và **tăng 58,8%** so với cùng kỳ năm 2023.



THỦY SẢN

TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 DN XK sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Nhập khẩu tôm của Trung Quốc tiếp tục giảm

Theo Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2024 tổng lượng nhập khẩu tôm đạt 64.575 tấn, trị giá 322,7 triệu USD, giảm 24% về lượng và 25% về giá trị so với tháng 4/2023. Ecuador chiếm 73% lượng nhập khẩu với khoảng 47.075 tấn, giảm 7% so với cùng kỳ năm ngoái.

Trong 4 tháng đầu năm nay, Trung Quốc đã nhập khẩu 289.737 tấn, trị giá 1,39 tỷ USD, giảm lần lượt 5,1% và 18% so với cùng kỳ năm trước.

Giá tôm chân trắng bán buôn đã có xu hướng tăng vào cuối tháng 5, theo Huacai Zhaoyu, một sàn giao dịch thủy sản có trụ sở tại Bắc Kinh. Giá trung bình của một hộp tôm cỡ trung 12 kg của Ecuador đã tăng lên 450 NDT (63,44 USD) vào ngày 22/5, tăng 10 NDT so với đầu tháng 5.

Nguồn: Vasep

Trung Quốc cấm hoàn toàn thủy sản của Nhật Bản:

Từ tháng 8/2023, Trung Quốc đã đình chỉ việc nhập khẩu thủy sản từ Nhật Bản với lý do “vấn đề an toàn” liên quan tới việc Tokyo xả nước nhiễm phóng xạ đã qua xử lý từ nhà máy điện hạt nhân Fukushima số 1 ra biển. Dù vậy hiệu lực của giấy phép đăng ký xuất khẩu thủy sản của các cơ sở chế biến, bảo quản vẫn có hiệu lực đến hết tháng 4/2024. Tới tháng 5/2024, cơ quan hải quan Trung Quốc đã vô hiệu hóa giấy phép đăng ký xuất khẩu thủy sản của tất cả các cơ sở chế biến và bảo quản của Nhật Bản. Điều này đồng nghĩa với việc nếu không có giấy phép đăng ký thì các sản phẩm thủy sản của Nhật Bản sẽ không thể xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

Hiện Bắc Kinh vẫn chưa đưa ra lời giải thích nào về lý do đình chỉ giấy phép đăng ký này. Gần đây, phía Trung Quốc tiếp tục sử dụng cụm từ “nước bị ô nhiễm hạt nhân” để mô tả việc xả thải của Nhật Bản và chưa có dấu hiệu cho thấy Bắc Kinh thay đổi lập trường đối với các sản phẩm thủy sản của Tokyo, mặc dù đã có nhiều cuộc làm việc song phương của giới chức hai nước nhưng vẫn chưa thể đi đến hướng giải quyết vấn đề này.

Nguồn: Vasep



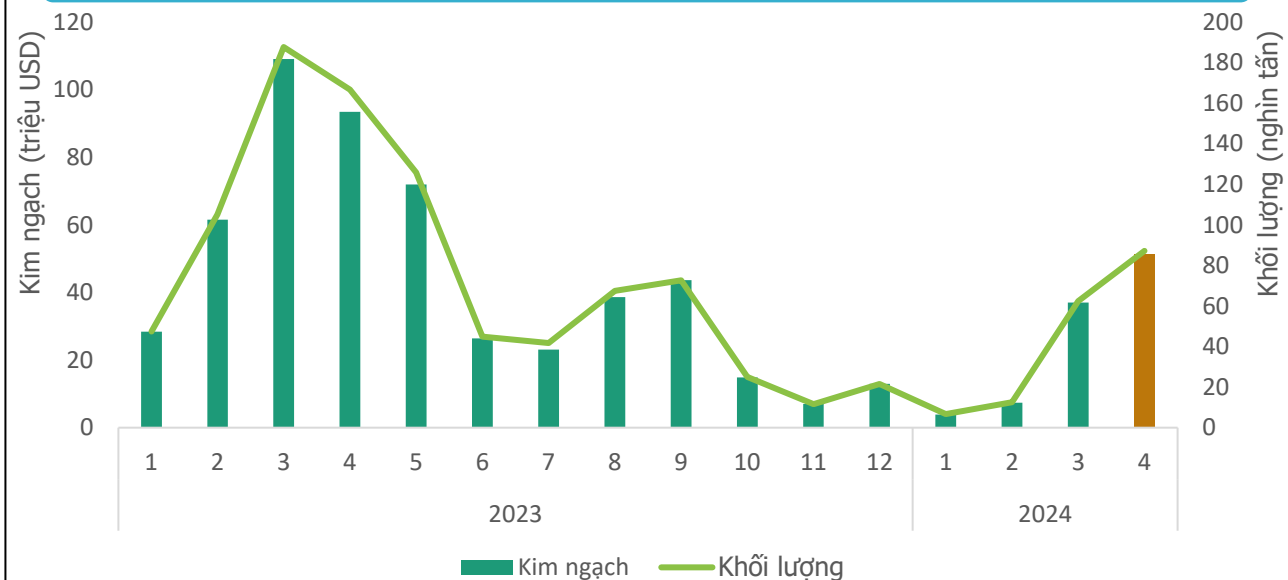
Tin liên quan





LÚA GẠO

Khối lượng và giá trị gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH

51,3 triệu USD



↗ Tăng **38,3%** so với T03/2024

↘ Giảm **45,2%** so với T4/2023

↑ Cao hơn **7,0 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đạt **100,0** triệu USD, đạt **18,7%** kim ngạch 2023

KHỐI LƯỢNG

87,2 nghìn tấn



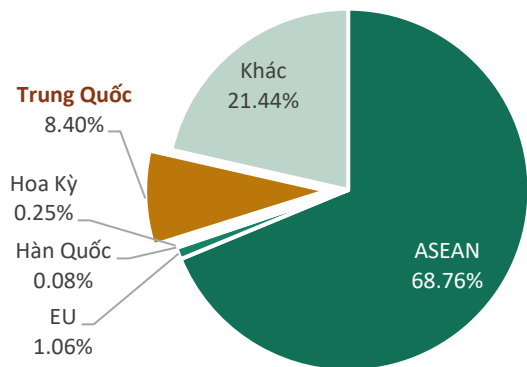
↗ Tăng **39,6%** so với T03/2024

↘ Giảm **47,7%** so với T4/2023

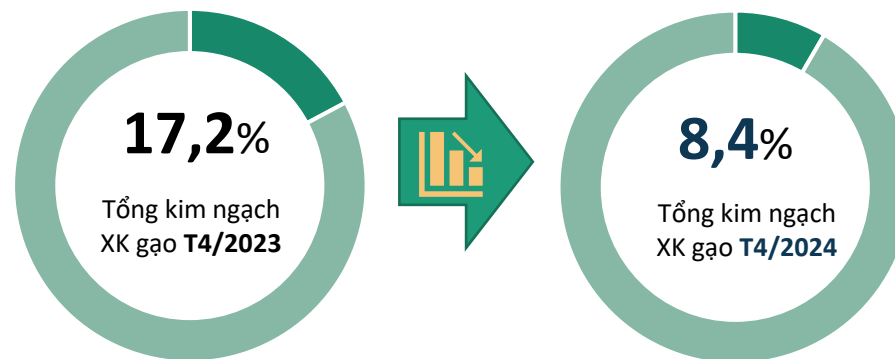
↑ Cao hơn **10,7 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đạt **169,1** nghìn tấn, đạt **18,4%** lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



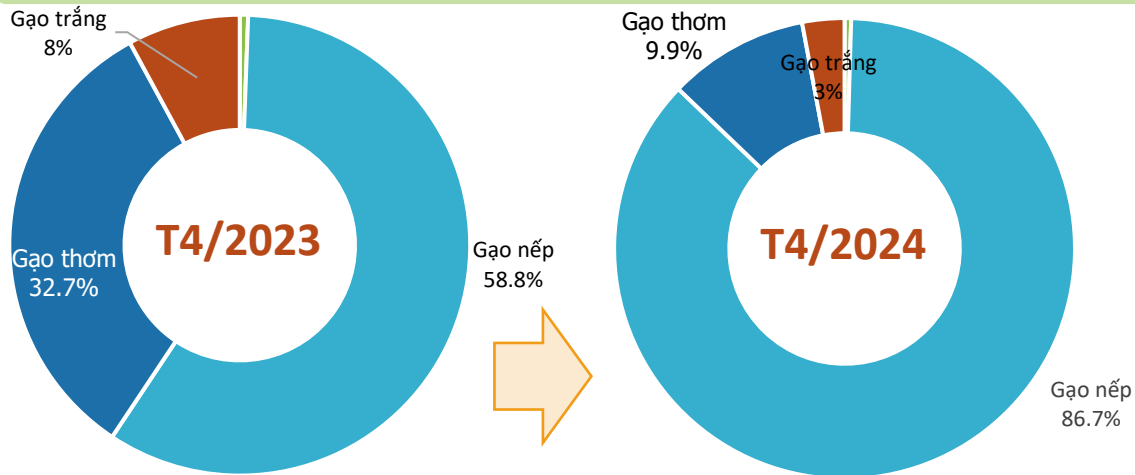
Biến động tỷ trọng giá trị gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





LÚA GẠO

Cơ cấu chủng loại gạo xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Gạo nếp

Kim ngạch: **45,2** triệu USD
 Tăng **38%** so với T03/2024
 Giảm **18%** so với T4/2023



Gạo thơm

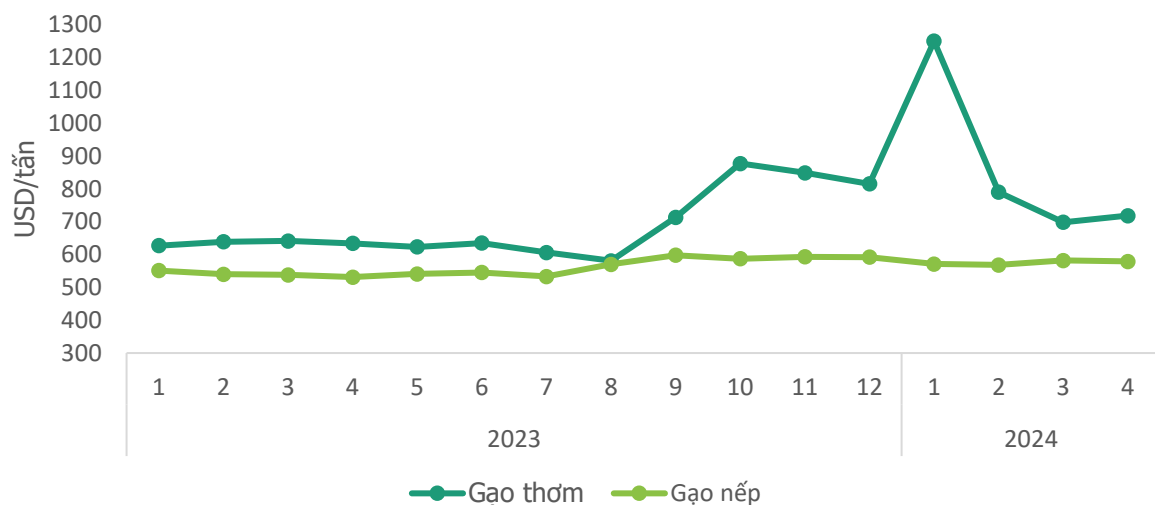
Kim ngạch: **5,1** triệu USD
 Tăng **77%** so với T03/2024
 Giảm **83%** so với T4/2023



Gạo trắng

Kim ngạch: **1,5** triệu USD
 Tăng **6%** so với T03/2024
 Giảm **79%** so với T4/2023

Giá gạo xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Gạo nếp

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **579** USD/tấn; **giảm 1%** so với tháng trước; và **tăng 9%** so với cùng kỳ năm 2023.

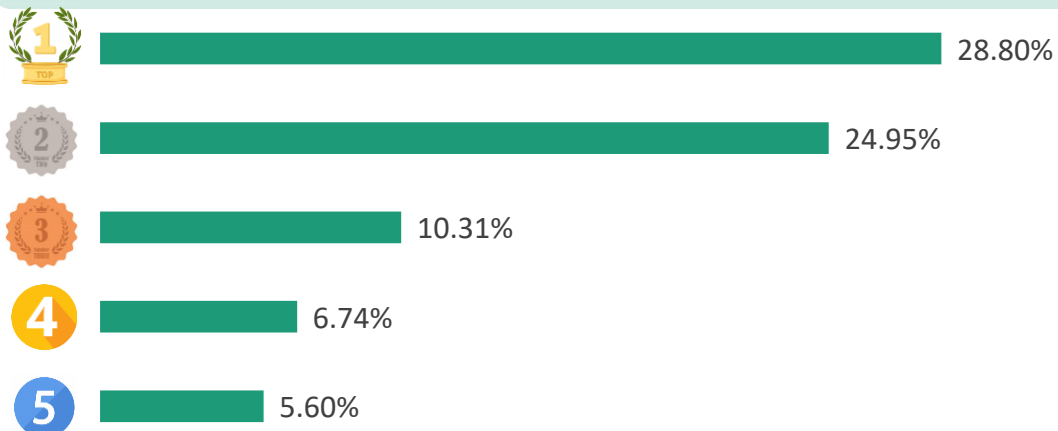
Gạo thơm

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **718** USD/tấn; **tăng 3%** so với tháng trước; và **tăng 13%** so với cùng kỳ năm 2023.

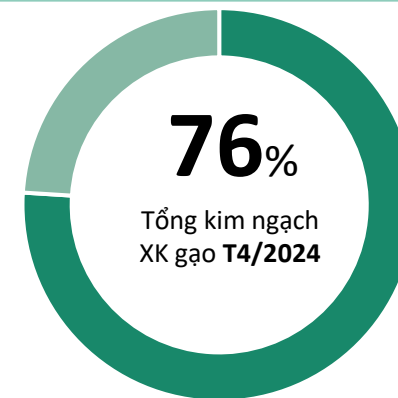


LÚA GẠO

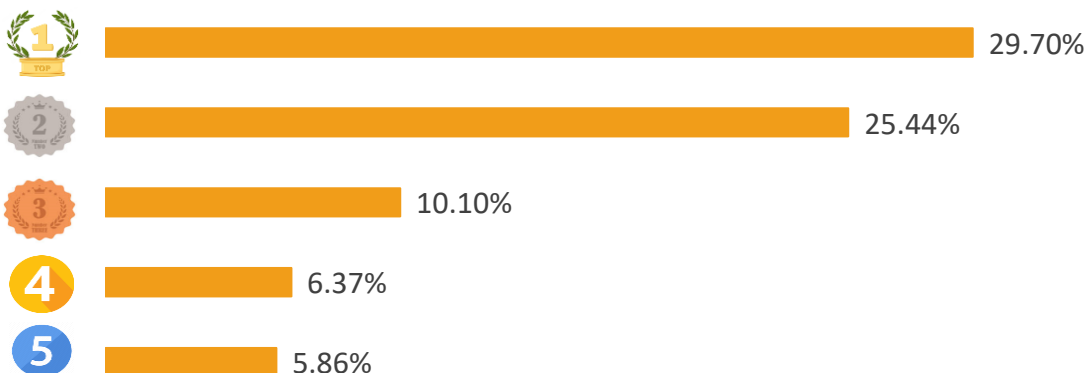
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



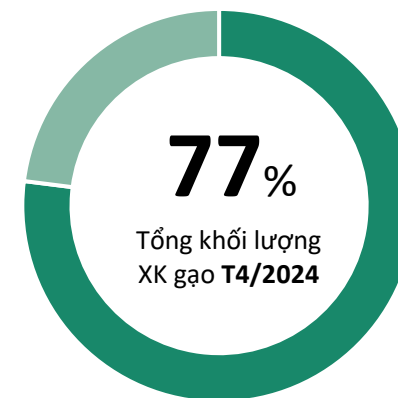
Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





LÚA GẠO

ĐIỂM TIN THỊ TRƯỜNG LÚA GẠO TRUNG QUỐC



Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2024, tổng lượng gạo nhập khẩu của Trung Quốc ước đạt 180.000 tấn, tăng 90.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc đã nhập khẩu tổng cộng 490.000 tấn, giảm 64,2% so với cùng kỳ năm 2023.

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong tháng 4/2024, tổng lượng gạo xuất khẩu của Trung Quốc ước đạt 100.000 tấn, tăng 40.000 tấn so với tháng trước. Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc đã xuất khẩu tổng cộng 340.000 tấn, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2023.

Nguồn: 163.com

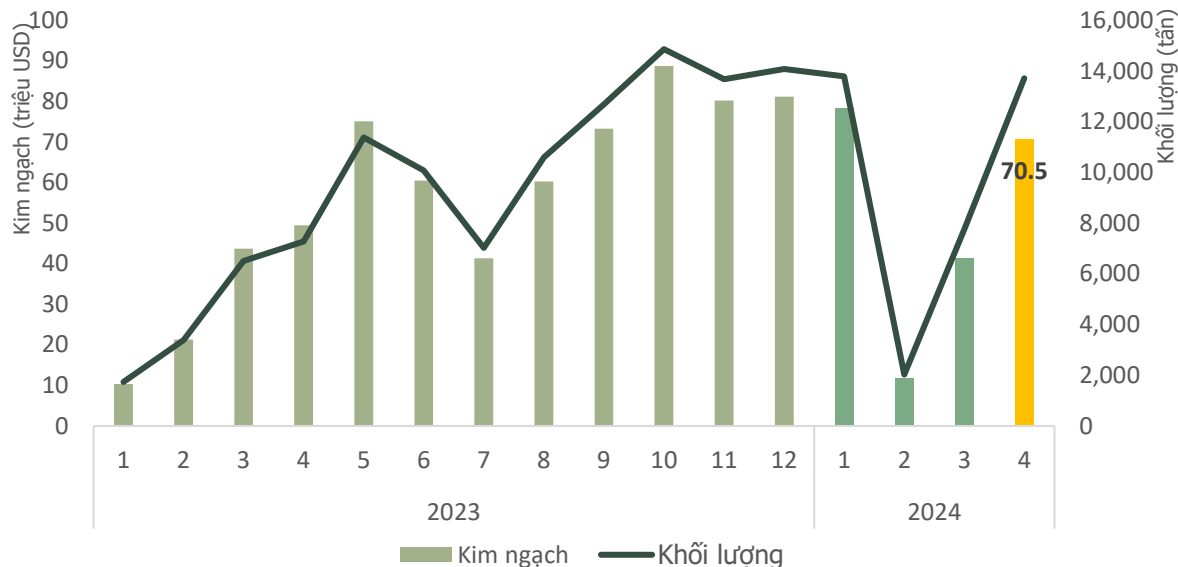


TIN LIÊN QUAN



HẠT ĐIỀU

Khối lượng và giá trị điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2024

KIM NGẠCH

70,5 triệu USD

↗ Tăng **70,3%** so với T3/2024

↗ Tăng **43%** so với T4/2023

↑ Cao hơn **13,4 triệu USD** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **202 tr.USD**, đạt **29%** kim ngạch năm 2023

KHỐI LƯỢNG

13,7 nghìn tấn

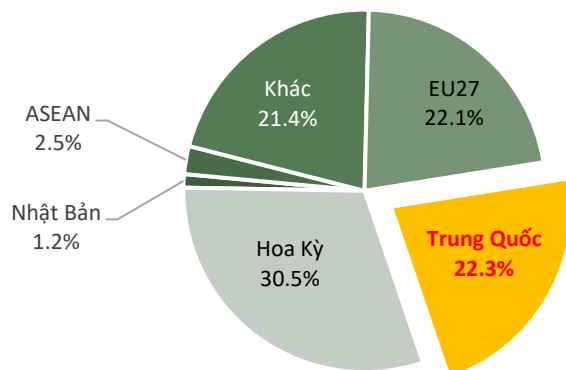
↗ Tăng **285,3%** so với T3/2024

↗ Tăng **19,4%** so với T4/2023

↑ Cao hơn **4,3 nghìn tấn** so với bình quân theo tháng năm 2023

❖ Lũy kế 4 tháng đầu năm 2024 đạt **37 nghìn tấn**, đạt **33%** khối lượng năm 2023

Tỷ trọng giá trị điều của Việt Nam sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



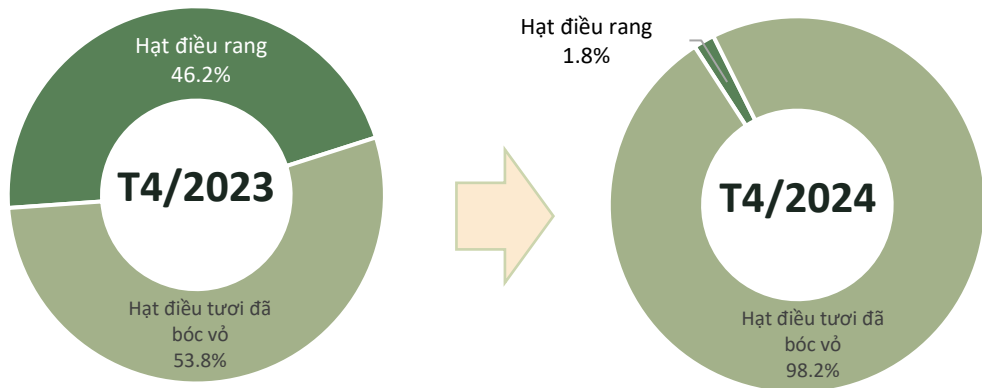
Biến động tỷ trọng giá trị điều của VN sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



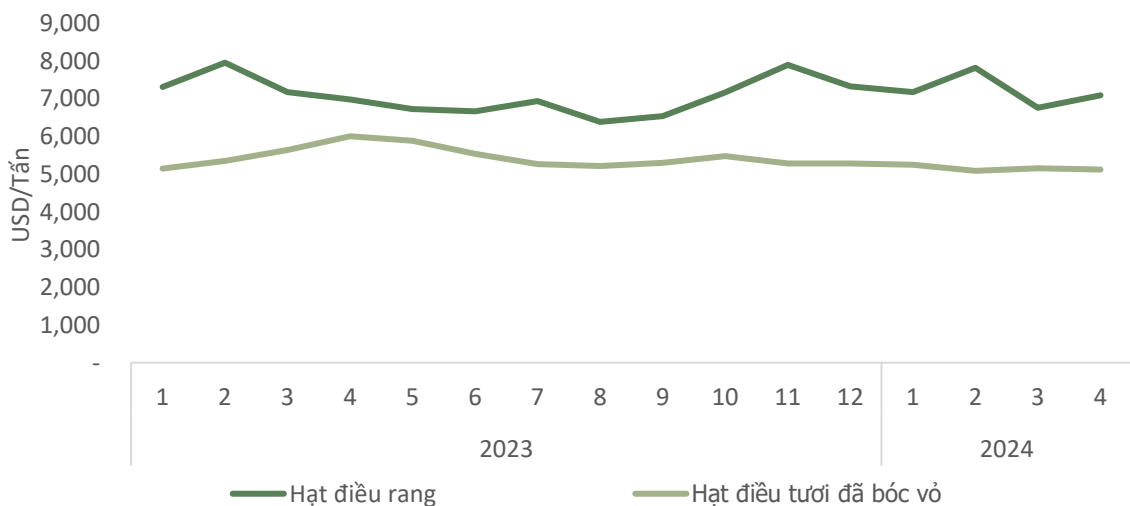


HẠT ĐIỀU

Cơ cấu chủng loại điều xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Giá điều xuất khẩu bình quân sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Kết quả xuất khẩu điều sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Điều tươi đã bóc vỏ

Kim ngạch: **69,4** triệu USD

Tăng **80%** so với T3/2024

Tăng **159%** so với T4/2023



Điều rang

Kim ngạch: **1,3** triệu USD

Giảm **55%** so với T3/2024

Giảm **94%** so với T4/2023

Điều tươi đã bóc vỏ

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **5.124** USD/tấn; **giảm 0,7%** so với tháng trước; và **giảm 15%** so với cùng kỳ năm 2023.

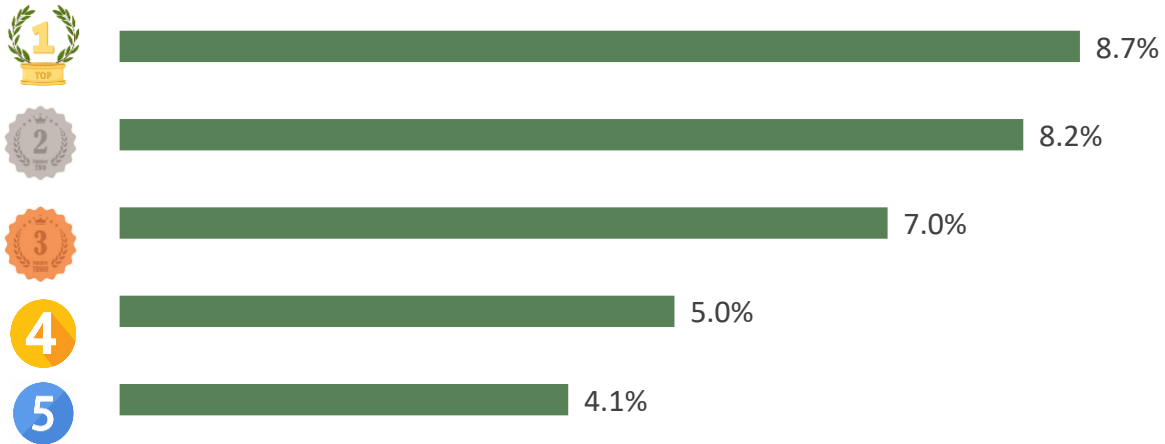
Điều rang

Giá xuất khẩu bình quân trong T4/2024 ở mức **7.088** USD/tấn; **tăng 4,9%** so với tháng trước; và **tăng 1,5%** so với cùng kỳ năm 2023.

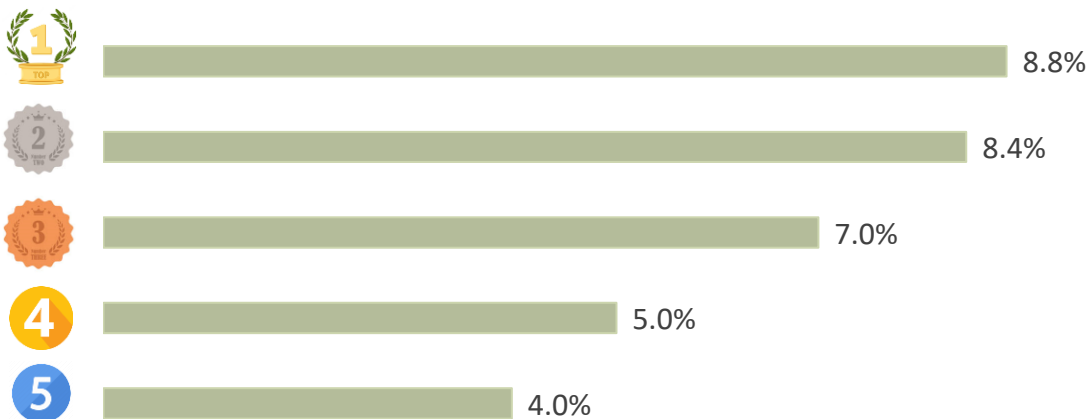


HẠT ĐIỀU

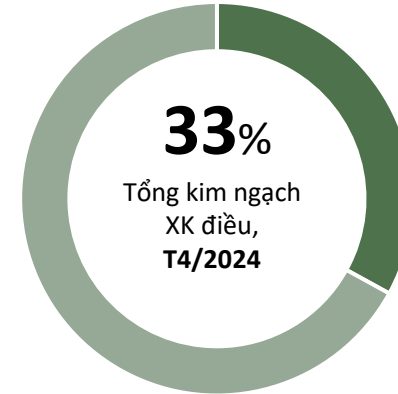
TOP 5 doanh nghiệp về kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



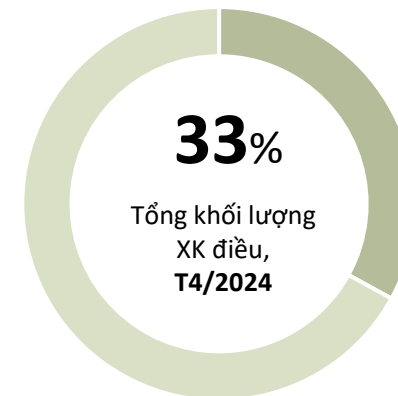
TOP 5 doanh nghiệp về khối lượng xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Tỷ trọng về kim ngạch của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024



Tỷ trọng về khối lượng của TOP 5 doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc, T4/2024





Theo Tổng cục Hải quan Trung Quốc, trong 3 tháng đầu năm 2024, Trung Quốc nhập khẩu hạt điều (HS 080131 và 080132) đạt 9,97 nghìn tấn, trị giá gần 49,37 triệu USD, tăng 18,4% về lượng và tăng 45,7% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Trung Quốc nhập khẩu hạt điều chủ yếu từ Việt Nam (chiếm 83,9% tổng lượng nhập khẩu của Trung Quốc), Bờ Biển Ngà (chiếm 5,5%), Myanmar (chiếm 5,3%), Tanzania (chiếm 3,5%) và Bê-nanh (chiếm 1,4%).

Nguồn: Tổng cục Hải quan Trung Quốc



Ipsard

AGRO@INFO

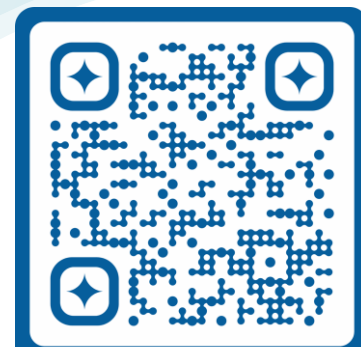
Ý kiến góp ý, xin vui lòng gửi đến:

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN
VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: *Số 16 Thụy Khuê, P. Thụy Khuê, Q. Tây Hồ, Hà Nội*

Email: thongtinthitruong@ipsard.gov.vn; info@agro.gov.vn

Website: <http://agro.gov.vn/>



Xem thêm báo cáo